

Số: 2749 /LĐTBXH-KHTC
V/v xây dựng Kế hoạch phát triển
kinh tế - xã hội năm 2021

Hà Nội, ngày 23 tháng 7 năm 2020

Kính gửi:

- Các đơn vị thuộc, trực thuộc Bộ
- Sở Lao động – Thương binh và Xã hội các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương

Thực hiện Chỉ thị số 18/CT-TTg ngày 13/4/2020 của Thủ tướng Chính phủ về việc xây dựng Kế hoạch phát triển kinh tế-xã hội 5 năm 2021-2025; tiếp theo các công văn ngày 05/5/2020 của Bộ hướng dẫn xây dựng kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội 5 năm 2021-2025 (*công văn số 1520/LĐTBXH-KHTC và công văn số 1521/LĐTBXH-KHTC*), Bộ yêu cầu Thủ trưởng các đơn vị, địa phương tập trung xây dựng kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội năm 2021 đối với các lĩnh vực lao động, người có công và xã hội; cụ thể như sau:

I. NỘI DUNG CHỦ YẾU CỦA KẾ HOẠCH NĂM 2021

Kế hoạch năm 2021 đối với lĩnh vực lao động, người có công và xã hội phải được xây dựng trên cơ sở đánh giá đầy đủ, chính xác tình hình và kết quả thực hiện Kế hoạch 6 tháng đầu năm, ước thực hiện cả năm 2020, các Nghị quyết của Đảng, Quốc hội, Chính phủ và dự báo tình hình trong nước, thế giới và khu vực trong giai đoạn tới tác động, ảnh hưởng đến phát triển kinh tế - xã hội của đất nước; từ đó xác định mục tiêu phát triển của kế hoạch năm 2021 lĩnh vực lao động, người có công và xã hội, đảm bảo phù hợp với mục tiêu, nhiệm vụ Kế hoạch 5 năm 2021-2025. Những nội dung chủ yếu của báo cáo Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội năm 2021 lĩnh vực lao động, người có công và xã hội gồm:

1. Đánh giá kết quả thực hiện 6 tháng đầu năm, ước thực hiện cả năm 2020

1.1. Đánh giá tình hình và kết quả thực hiện kế hoạch 6 tháng đầu năm, ước thực hiện năm 2020 lĩnh vực lao động, người có công và xã hội; so sánh với cùng kỳ năm 2019 và kế hoạch cả năm 2020. Phân tích, đánh giá kết quả thực hiện các mục tiêu, nhiệm vụ được giao trong các Nghị quyết Quốc hội, Chính phủ, Quyết định của Thủ tướng Chính phủ về kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội năm 2020; Nghị quyết số 01/NQ-CP ngày 01/01/2020 của Chính phủ về những nhiệm vụ, giải pháp chủ yếu chỉ đạo điều hành thực hiện kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội và dự toán ngân sách nhà nước năm 2020; Quyết định số 01/QĐ-LĐTBXH ngày 02/01/2020 của Bộ ban hành Kế hoạch hành động thực hiện Nghị quyết số 01/NQ-CP của Chính phủ và các văn bản chỉ đạo, điều hành khác của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ và của Bộ ban hành từ đầu năm 2020 đến nay; kết quả thực hiện các Chương trình MTQG, Chương trình mục tiêu và các đề án theo từng lĩnh vực cụ thể. Kết quả thực hiện các nhiệm vụ, giải pháp phòng, chống đại dịch Covid-19, tháo gỡ khó khăn cho sản xuất, kinh doanh, bảo đảm an sinh xã hội.

1.2. Yêu cầu việc đánh giá phải sát thực, đúng thực chất kết quả thực hiện các chỉ tiêu, nhiệm vụ trong phạm vi cả nước theo lĩnh vực do các đơn vị phụ trách và từng tỉnh, thành phố. Làm nổi bật những kết quả đã đạt được; đồng thời, chỉ ra được những tồn tại, hạn chế, khó khăn và nguyên nhân trong việc thực hiện nhiệm vụ 6 tháng đầu năm; dự kiến mức độ hoàn thành các chỉ tiêu, nhiệm vụ và đề xuất giải pháp cần tập trung thực hiện trong các tháng cuối năm 2020.

1.3. Căn cứ vào tình hình thực hiện kế hoạch năm 2020, dự báo xu hướng phát triển, những cơ hội, thách thức đối với sự phát triển của các lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ, ngành để xác định các giải pháp ứng phó phù hợp, hạn chế thấp nhất những tác động tiêu cực có thể xảy ra.

2. Về xây dựng kế hoạch năm 2021

2.1. Yêu cầu trong xây dựng kế hoạch năm 2021

Năm 2021 là năm đầu thực hiện kế hoạch 5 năm 2021-2025, nền kinh tế nước ta được dự báo sẽ phải đối mặt rất nhiều khó khăn, thách thức; trong đó có những khó khăn từ dịch bệnh, đặc biệt là đại dịch Covid-19...; các vấn đề xã hội-môi trường gây áp lực lớn đến phát triển kinh tế-xã hội như già hóa dân số, mất việc làm, chênh lệch giàu nghèo, thiên tai, biến đổi khí hậu, nước biển dâng, xâm nhập mặn,... Do đó, các đơn vị thuộc Bộ, Sở Lao động - Thương binh và Xã hội các tỉnh, thành phố phải bám sát chủ trương, đường lối của Đảng, Nghị quyết của Quốc hội và Chính phủ để xây dựng kế hoạch năm 2021 đảm bảo phù hợp với Chiến lược giai đoạn 2021-2030, Kế hoạch 5 năm 2021-2025 về phát triển kinh tế-xã hội của cả nước, các quy hoạch ngành quốc gia, quy hoạch tỉnh, thành phố và tình hình thực tiễn của mỗi địa phương; theo đúng định hướng tại Chỉ thị số 18/CT-TTg của Thủ tướng Chính phủ và phải thống nhất, phù hợp các mục tiêu, nhiệm vụ Kế hoạch 5 năm của ngành, lĩnh vực đã xây dựng theo hướng dẫn tại các công văn số 1520/LĐT BXH-KHTC và số 1521/LĐT BXH-KHTC nêu trên.

Xác định mục tiêu tổng quát, chỉ tiêu cụ thể, nhiệm vụ trọng tâm và giải pháp chủ yếu phải bảo đảm tính khả thi, gắn kết với khả năng cân đối, huy động và sử dụng có hiệu quả các nguồn lực; đặc biệt cần phân tích, đánh giá, lựa chọn, sắp xếp thứ tự các mục tiêu ưu tiên, nhiệm vụ, lĩnh vực trọng tâm cần có sự đột phá trong kế hoạch; đảm bảo gắn kết chặt chẽ giữa kế hoạch phát triển kinh tế-xã hội và kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025; lồng ghép các mục tiêu phát triển bền vững đến năm 2030 liên quan đến các lĩnh vực của ngành. Đồng thời, phù hợp với khả năng thực hiện kế hoạch của ngành, địa phương; có mức phân đấu hợp lý để đảm bảo vượt qua những khó khăn, thách thức của năm 2020, tạo đà cho các năm tiếp theo trong giai đoạn 2021-2025.

Việc xây dựng Kế hoạch năm 2021 lĩnh vực lao động, người có công và xã hội phải được triển khai đảm bảo tính đồng bộ, hệ thống và có sự phối hợp chặt chẽ với các cơ quan, đơn vị và các ngành, các cấp; bảo đảm tính công khai, minh bạch và công bằng trong xây dựng kế hoạch và phân bổ nguồn lực, ngân sách; đảm bảo tiến độ, thời gian và biểu mẫu quy định.

Cùng với báo cáo thuyết minh, yêu cầu các đơn vị, địa phương tổng hợp đầy đủ số liệu theo biểu mẫu tại phụ lục 2 và phụ lục 3 kèm theo công văn này. Chi tiết tại địa chỉ <http://www.molisa.gov.vn/Pages/VanBan/ChiDaoDieuHanh.aspx>.

2.2. Đề cương Kế hoạch năm 2021

- Bối cảnh xây dựng kế hoạch năm 2021 lĩnh vực lao động, người có công và xã hội.

- Mục tiêu tổng quát, chỉ tiêu cụ thể của từng lĩnh vực (bao gồm các chỉ tiêu Quốc hội, Chính phủ giao; các chỉ tiêu quản lý ngành). Các đơn vị căn cứ tình hình thực hiện giai đoạn 2016-2020; định hướng phát triển kinh tế - xã hội giai đoạn 2021-2030 để nghiên cứu, đề xuất bổ sung các chỉ tiêu năm 2021 đảm bảo phù hợp, có tính khả thi.

- Các định hướng, nhiệm vụ và giải pháp chủ yếu (trong đó, đề xuất xây dựng và thực hiện các quy hoạch, chương trình mục tiêu quốc gia, chương trình và đề án liên quan trong từng lĩnh vực cụ thể).

- Tổ chức thực hiện.

(Chi tiết theo phụ lục 1 kèm theo công văn này).

II. PHÂN CÔNG TRÁCH NHIỆM VÀ TIẾN ĐỘ XÂY DỰNG KẾ HOẠCH NĂM 2021

1. Giao Vụ Kế hoạch - Tài chính chủ trì hướng dẫn, phối hợp với các đơn vị, địa phương xây dựng kế hoạch năm 2021; tổng hợp, xây dựng kế hoạch chung của toàn ngành, trình Lãnh đạo Bộ phê duyệt đề gửi Bộ Kế hoạch và Đầu tư tổng hợp trong Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội của cả nước.

2. Các đơn vị thuộc, trực thuộc Bộ, Sở Lao động - Thương binh và Xã hội các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương chịu trách nhiệm xây dựng Kế hoạch năm 2021 đúng nội dung hướng dẫn và các biểu mẫu quy định gửi về Bộ (qua Vụ Kế hoạch - Tài chính) trước ngày 03/8/2020 để tổng hợp chung trong Kế hoạch của Bộ.

(Để thuận tiện trong quá trình tổng hợp, ngoài bản chính thức, đơn vị gửi một bản điện tử theo địa chỉ email: phongkh@molisa.gov.vn).

Trong quá trình triển khai thực hiện, nếu có khó khăn, vướng mắc, đơn vị phản ánh về Bộ (qua Vụ Kế hoạch - Tài chính, điện thoại 024.38.269.544/024.39.364.160) để được hướng dẫn thêm./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Bộ trưởng (để báo cáo);
- Các đồng chí Thứ trưởng (để chỉ đạo);
- Trung tâm Thông tin (để đăng Cổng thông tin điện tử của Bộ);
- Lưu: VT, Vụ KHTC.

KT. BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG



Lê Tấn Dũng

Phụ lục 1
ĐỀ CƯƠNG KẾ HOẠCH NĂM 2021
(Kèm theo công văn số: /LĐTBXH-KHTC ngày /7/2020)

STT	NỘI DUNG	ĐƠN VỊ THỰC HIỆN	GHI CHÚ
A	Phần 1: Đánh giá tình hình thực hiện kế hoạch năm 2020		
I	Bối cảnh thực hiện Kế hoạch năm 2020	Các đơn vị, địa phương	
II	Kết quả đạt được, hạn chế, yếu kém và nguyên nhân		
1	Về lao động – việc làm		
a	Phát triển thị trường lao động, giải quyết việc làm (<i>trong nước, đưa lao động đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng</i>); tỷ lệ thất nghiệp của lao động trong độ tuổi ở khu vực thành thị; tỷ lệ lao động qua đào tạo (<i>trong đó, có bằng, chứng chỉ</i>).	Cục Việc làm, Cục Quản lý lao động ngoài nước, các địa phương	
b	Phát triển giáo dục nghề nghiệp, nâng cao chất lượng nguồn nhân lực (<i>tuyển sinh GDNN, tốt nghiệp GDNN, phát triển mạng lưới cơ sở giáo dục nghề nghiệp; các điều kiện đảm bảo chất lượng GDNN, kiểm định chất lượng GDNN... </i>)	Tổng cục Giáo dục nghề nghiệp, các địa phương	
c	Thực hiện chính sách tiền lương, xây dựng quan hệ lao động hài hòa, ổn định và tiến bộ trong doanh nghiệp	Cục Quan hệ lao động và Tiền lương, các địa phương	
d	Thực hiện chính sách bảo hiểm xã hội, bảo hiểm thất nghiệp, bảo hiểm tai nạn lao động – bệnh nghề nghiệp (<i>giao chỉ tiêu phát triển đối tượng; thực hiện các chính sách trợ cấp cho đối tượng; thu ngân sách BHXH, BHTN, BHTNLD-BNN...</i>).	Vụ Bảo hiểm xã hội, Cục Việc làm, Cục ATLĐ và các địa phương	

d	Về An toàn, vệ sinh lao động (<i>huấn luyện ATVSLĐ, kiểm định chất lượng hành hóa, theo dõi, xử lý TNLĐ...</i>)	Cục ATLĐ và các địa phương	
e	Về quản lý lao động nước ngoài tại Việt Nam (<i>theo dõi, cấp giấy phép lao động...</i>).	Cục VL và các địa phương	
2	Thực hiện chính sách người có công (<i>thực hiện chính sách ưu đãi NCC; tổ chức 73 năm ngày Thương binh – Liệt sỹ; đề án xác định danh tính liệt sỹ còn thiếu thông tin; hỗ trợ nhà ở người có công có khó khăn về nhà ở; công tác mộ, nghĩa trang liệt sỹ; thực hiện các hoạt động “đền ơn, đáp nghĩa”, nâng cao đời sống người có công...</i>)	Cục NCC và các địa phương	
3	Về các lĩnh vực xã hội		
a	Về giảm nghèo bền vững (<i>thực hiện các Nghị quyết của QH, CP về giảm nghèo bền vững đến năm 2020; kinh phí và số đối tượng thụ hưởng các chính sách giảm nghèo thường xuyên; kết quả thực hiện CTMTQG giảm nghèo bền vững; kết quả giảm tỷ lệ hộ nghèo, cận nghèo; giảm huyện nghèo, xã nghèo...</i>).	Cục BTXH, VPQG về giảm nghèo và các địa phương	
b	Về bảo trợ xã hội (<i>thực hiện các chính sách trợ giúp thường xuyên, đột xuất; chăm sóc người cao tuổi, người khuyết tật, trẻ em có hoàn cảnh đặc biệt...; công tác y tế lao động – xã hội</i>).	Cục BTXH và các địa phương	
c	Về công tác trẻ em (<i>thực hiện các Công ước quốc tế về trẻ em; các Chỉ thị của Thủ tướng Chính phủ về công tác trẻ em; phòng chống xâm hại, bảo lực đối với trẻ em; giảm tai nạn, thương tích ở trẻ em; xây dựng xã/phường/thị trấn phù hợp với trẻ em...</i>)	Cục trẻ em và các địa phương	
d	Về bình đẳng giới và vì sự tiến bộ của phụ nữ	Vụ Bình đẳng giới và các địa phương	

đ	Về phòng, chống tệ nạn xã hội (<i>cai nghiện ma túy; phòng, chống mại dâm; hỗ trợ nạn nhân bị mua bán trở về</i>)	Cục Phòng, chống tệ nạn xã hội và các địa phương	
e	Thực hiện các chương trình, đề án, chương trình mục tiêu quốc gia, chương trình mục tiêu giai đoạn 2016 – 2020 (<i>lồng ghép trong từng lĩnh vực nêu trên</i>)	Các đơn vị, địa phương	
4	Cải cách hành chính, ứng dụng CNTT, xây dựng tổ chức bộ máy	Vụ Pháp chế, Văn phòng, Vụ Tổ chức cán bộ, Trung tâm Thông tin và các địa phương	
5	Thanh tra, kiểm tra; tiếp công dân; xử lý đơn thư; giải quyết khiếu nại, tố cáo;	Thanh tra, Văn phòng và các địa phương	
6	Hợp tác quốc tế	Vụ Hợp tác quốc tế và các địa phương	
7	Công tác kế hoạch – dự toán, đảm bảo nguồn lực thực hiện kế hoạch của ngành	Vụ Kế hoạch – Tài chính, các đơn vị và các địa phương	
III	<i>Tồn tại, hạn chế trong thực hiện 6 tháng đầu năm và nguyên nhân</i>		
1	Tồn tại, hạn chế	Các đơn vị, địa phương	
2	Nguyên nhân		
IV	<i>Dự kiến mức độ hoàn thành các chỉ tiêu kế hoạch năm 2020; nhiệm vụ, giải pháp cần thực hiện trong các tháng cuối năm</i>		
B	Phần 2: Kế hoạch năm 2021		
I	<i>Bối cảnh xây dựng kế hoạch 2021</i>	Các đơn vị	

II	Mục tiêu		
1	Mục tiêu tổng quát	Các đơn vị, địa phương	
2	Các chỉ tiêu		
III	Định hướng, nhiệm vụ chủ yếu		
1	Về lao động – việc làm	Tổng cục GDNN; các Cục: VL, QLLĐNN, QHLĐ và TL, ATLĐ; Vụ BHXH và các địa phương	
2	Về chăm sóc người có công	Cục NCC và các địa phương	
3	Về các lĩnh vực xã hội	Cục BTXH, VPGN, Cục TE, Cục PCTNXH, Vụ BDG	
4	Đề xuất các chương trình, đề án (<i>lồng ghép vào từng nội dung ở trên</i>)	Các đơn vị, địa phương	
5	Cải cách hành chính, ứng dụng công nghệ thông tin, nâng cao hiệu quả quản lý nhà nước	Vụ PC, VP, Vụ TCCB, TT Thông tin và các địa phương	
6	Thanh tra, kiểm tra, tiếp công dân, giải quyết khiếu nại, tố cáo; phòng chống tham nhũng; thực hành tiết kiệm, chống lãng phí	Thanh tra, Văn phòng và các địa phương	
7	Về hợp tác quốc tế	Vụ HTQT và các địa phương	
IV	Tổ chức thực hiện	Các đơn vị, địa phương	